

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 28 - 08 - 2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Ngu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trương Thị Bích H; địa chỉ: Bon M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. – có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:* Ngày 20/11/2013, chị H có đến nhà chị Ng mượn số tiền 15.960.000 đồng, mục đích vay để làm gì thì chị Ng không biết; thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất, hai bên có lập văn bản về việc vay mượn; đến hạn, chị Ng yêu cầu trả tiền nhưng chị H không có tiền nên chưa trả được.

Ngày 04/12/2018, chị Ng và chị H cùng chốt lại nợ gốc là 15.960.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2018 sẽ trả, lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên, đến ngày 20/12/2018, chị H vẫn không trả nợ cho chị Ng. Do đó, chị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả số tiền gốc 15.960.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, để tạo điều kiện cho chị H trả nợ nên chị Ng rút yêu cầu đối với số tiền lãi, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với việc vay mượn giữa chị Ng và chị H, không liên quan đến chồng chị Ng là anh Võ Anh Tuấn và chồng chị H là anh Lê Sỹ Cao.

*Bị đơn chị Trương Thị Bích H trình bày:* Chị H thừa nhận ngày 20/11/2013 có mượn của chị Nguyễn Thị Ng số tiền 15.960.000 đồng, ngày 04/12/2018, hai bên cùng chốt lại số nợ là 15.960.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2018 sẽ trả và lãi suất 2%/tháng như chị H trình bày là đúng sự thật. Chị H thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy chốt nợ ngày 04/12/2018 là của chị. Tính đến thời điểm hiện nay chị H chưa trả được tiền gốc và lãi cho chị Ng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng thì chị H đồng ý trả nhưng cho chị trả dần trong 02 năm: vào cuối năm 2020, khi thu cả phê sẽ trả  $\frac{1}{2}$  số nợ, số còn lại sẽ trả hết vào mùa cả phê năm tiếp theo. Đối với số nợ trên là nợ riêng giữa chị H và chị Ng, không liên quan đến chồng chị là ông Lê Sỹ Cao và do thời gian đã lâu nên chị không nhớ đã sử dụng số tiền vay vào mục đích gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Vào năm 2013, chị Ng và chị H có quan hệ vay mượn tài sản, ngày 04/12/2018, hai bên xác lập lại số nợ là 15.960.000 đồng, lãi suất 2%/tháng hẹn trả ngày 20/12/2018 và hủy giấy vay nợ cũ. Đến hết ngày 20/12/2018, chị H không trả tiền nên chị Ng khởi kiện yêu cầu chị H phải trả 15.960.000 đồng là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 157, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng, buộc chị Trương Thị Bích H phải trả 15.960.000 đồng cho chị Ng.

Về án phí: Chị H phải nộp 798.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho chị Ng 400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Ng yêu cầu Tòa án buộc chị Trương Thị Bích H phải trả số tiền 15.960.000 đồng mà chị H đã vay, đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Mê Ra, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông nên theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị H không hợp tác, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, đồng thời chị Ng và chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 20/11/2013, chị Nguyễn Thị Ng cho chị Trương Thị Bích H có vay số tiền 15.960.000 đồng. Ngày 04/12/2018, chị Ng và chị H cùng chốt lại nợ gốc là 15.960.000 đồng, hạn đến ngày 20/12/2018 sẽ trả, lãi suất 2%/tháng. Chị Trương Thị Bích H thừa nhận có vay chị Ng số tiền 15.960.000 đồng với lãi suất và thời hạn vay theo như đơn khởi kiện của chị Ng là đúng sự thật. Xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa chị H và chị Ng là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H và chị Ng đã chốt nợ vào ngày 4/12/2018 và hạn đến ngày 20/12/2018 sẽ thanh toán; tuy nhiên, chị H thừa nhận: đến hạn trên, chị vẫn chưa trả được tiền nợ gốc và lãi cho chị Ng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng, buộc chị H phải trả số tiền gốc là 15.960.000 đồng. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, chị Ng đã rút yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết nên cần đình chỉ đối với yêu cầu trả tiền lãi theo quy định khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng được chấp nhận nên chị Trương Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 798.000 đồng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ng 400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001182 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng đối với chị Trương Thị Bích H.

Buộc chị Trương Thị Bích H phải trả cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 15.960.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về lãi suất của chị Nguyễn Thị Ng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trương Thị Bích H phải nộp 798.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ng 400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001182 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Quang Trung**